

Bản án số: 06/2023/HS-ST
Ngày 20 tháng 02 năm 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Toàn.

Thẩm phán: Ông Đặng Minh Tuấn.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đinh Thanh Hải.

2. Bà Hà Thị Dung.

3. Ông Phan Bội Khánh.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Diệp Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Ngọc Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 02 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 84/2022/TLST-HS ngày 23/12/2022; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2023/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 01 năm 2023 đối với bị cáo:

Nông Thị C (tên gọi khác: Không), sinh năm 1992. Nơi ĐKKHKT: Tổ A, phường H, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

Nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Quốc D và bà Hoàng Thị P; gia đình có anh chị em, bị cáo là con út; có chồng là Nguyễn Anh V (đã ly hôn), có 01 con chung sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại, trước đó không bị tạm giữ, tạm giam ngày nào, được áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú". Có mặt.

* **Người bào chữa cho bị cáo theo chỉ định:** Ông Nguyễn Mạnh A, luật sư văn phòng L1 thuộc đoàn luật sư tỉnh T. Có mặt.

* **Người bào chữa cho bị cáo do gia đình bị cáo mời:** Luật sư Nguyễn Đức N và luật sư Vũ Văn C1 - thuộc Công ty L2 - Đoàn Luật sư thành phố H. Có mặt luật sư C1; Luật sư N có đơn xin xét xử vắng mặt.

* **Bị hại:**

1. Anh Vi Văn C2, sinh năm 1993; Địa chỉ: Xóm Đ, xã N, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Anh Đinh Quang L, sinh năm 1990; Địa chỉ: Tổ E, phường P, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

*** Người làm chứng:**

1. Chị Thiệu Thị Thanh H, sinh năm 1981; Địa chỉ: Tổ A, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Chị Đào Thị Hồng N1, sinh năm 1992; Địa chỉ: Tổ D, phường H, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Chị Đào Thị Thu T, sinh năm 1969; Địa chỉ: Số F đường C, phường C, quận N, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

4. Chị Phạm Thị C3, sinh năm 1972; Địa chỉ: Số A đường L, phường G, quận N, thành phố Hải Phòng. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

5. Anh Đỗ Chí N2, sinh năm 1981; Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, thành phố Hà Nội. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

6. Anh Đỗ Thanh T1, sinh năm 1990; Địa chỉ: xóm C, xã P, huyện T, tỉnh Nam Định. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

7. Anh Nguyễn Văn N3, sinh năm 1988; Địa chỉ: Số D Quán N, tổ G, phường K, quận L, Hải Phòng. Vắng mặt.

8. Anh Nguyễn Duy K, sinh năm 1999; Địa chỉ: Thôn B, xã B, huyện L, tỉnh Hà Nam. Vắng mặt.

9. Anh Nguyễn Thanh D1, sinh năm 1974; Địa chỉ: Số G N, phường T, quận H, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

10. Chị Lô Thị G, sinh năm 1992; Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nông Thị C, (tên thường gọi là V1) làm nghề buôn bán đồ nội thất, điện máy, đồ cũ, từ năm 2016 đến năm 2018 C buôn bán tại thành phố T, tỉnh Thái Nguyên; từ năm 2018 đến năm 2019, C buôn bán tại quận B, thành phố Hà Nội; từ đầu năm 2020 đến tháng 10/2021, C buôn bán tại quận N, thành phố Hải Phòng. Quá trình kinh doanh, buôn bán tại thành phố Hải Phòng, C nhận tiền góp vốn kinh doanh của nhiều người, năm 2021 do dịch bệnh Covid-19, việc kinh doanh bị thua lỗ, C nợ tiền của vợ chồng anh Nguyễn Văn N3, sinh năm 1988, chị Đàm Thị Thanh T2, sinh năm 1994, trú tại số D đường Q, phường K, quận L, thành phố Hải Phòng số tiền 1.300.000.000đ và nhiều người khác nhưng chưa có khả năng trả nợ nên C thay đổi số điện thoại, chỗ ở để trốn tránh việc trả nợ đồng thời tìm cách kinh doanh thu hồi vốn. Khoảng giữa tháng 7/2021, vợ chồng anh N3, chị T2 thúc ép C trả số tiền 1.300.000.000đ nên C nảy sinh ra ý

định lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác để lấy tiền trả nợ.

C sử dụng số điện thoại 0325728220 (là số điện thoại không mang tên của C), lấy tên giả là H1, lập Z với tên “NPP Cảnh Loan” và đưa ra thông tin giả là nhà phân phối thiết bị điện máy, có lô hàng số lượng lớn máy điều hòa cần thanh lý với giá rẻ, tìm kiếm trên mạng facebook các số điện thoại của cơ sở kinh doanh, mua bán thiết bị điện máy để liên lạc bán hàng nhằm lừa đảo chiếm đoạt tiền. Khoảng 17 giờ 56 phút ngày 01/9/2021, C gọi điện đến số điện thoại 0986164416 của anh Vi Văn C2, sinh năm 1993, trú tại xóm Đ, xã N, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, làm nghề kinh doanh mua bán thiết bị điện máy tại số nhà E, đường T, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên; C giới thiệu tên là H1, có một lô máy điều hòa mới, giá rẻ cần thanh lý. C và anh C2 kết bạn zalo với nhau và trao đổi thông tin thống nhất C bán cho anh C2 lô hàng 100 máy điều hòa mới, gồm 50 máy điều hòa Daikin 18.000 BTU với giá 13.000.000đ/1 bộ; 10 máy điều hòa Panasonic 18.000 BTU với giá 15.000.000đ/1 bộ; 40 máy điều hòa Panasonic 12.000 BTU với giá 8.000.000đ/1 bộ, tổng số tiền hàng là 1.120.000.000đ, chiều ngày 03/9/2021 sẽ giao hàng và thanh toán tiền. Sau khi thỏa thuận mua hàng của C, anh C2 đã trao đổi với anh Đinh Quang L, sinh năm 1990, trú tại tổ E, phường P, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên và thống nhất anh C2, anh L sẽ cùng chung nhau nhập lô hàng trên.

Sau khi thỏa thuận bán cho anh C2 lô hàng, C tiếp tục sử dụng số điện thoại 0325728220, gọi điện đến số điện thoại 09633565788 của anh Đỗ Chí N2, sinh năm 1981, trú tại thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, thành phố Hà Nội là Giám đốc Công ty TNHH H2 có địa chỉ tại số nhà C, ngõ D, phố Ô, phường Đ, quận L, thành phố Hà Nội, làm nghề kinh doanh, phân phối thiết bị điện máy, C biết số điện thoại của anh N2 do trước đây đã từng mua hàng của anh N2 một vài lần. C cũng giới thiệu tên là H1, là nhà phân phối thiết bị điện máy, có nhu cầu muốn mua một lô máy điều hòa không khí để lắp đặt cho dự án. Qua nói chuyện trên ứng dụng Zalo, C đã đặt mua của anh N2 100 bộ máy điều hòa gồm 50 máy điều hòa Daikin 18.000 BTU mã KA50 với giá 15.600.000đ/1 bộ; 10 máy điều hòa Panasonic 18.000 BTU mã XPU18 với giá 17.200.000đ/1 bộ; 40 máy điều hòa Panasonic 12.000 BTU mã XPU12 với giá 10.900.000đ/1 bộ, tổng số tiền hàng là 1.560.000.000đ, hẹn chiều ngày 03/9/2021 sẽ cho người đến nhận hàng và thanh toán tiền.

Để có thể nhận được tiền mà không bị lộ tên tuổi thật, C đã sử dụng số điện thoại 0325728220 liên hệ chị Đào Thị Hồng N1 sinh năm 1992, trú tại tổ D, phường H, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên là người quen của C, C lấy lý do hỏi thăm sức khỏe và nói chuyện công việc với chị N1 đồng thời nhờ chị N1 cho mượn số tài khoản ngân hàng để khách hàng của C chuyển khoản đến, C đưa ra lý do tài khoản của C đã hết hạn mức chuyển khoản. Chị N1 không nghi ngờ gì nhận lời giúp C và cho C số tài khoản 39010000825950 mở tại ngân hàng Đ chi nhánh T3 của mình. Ngày 02/9/2021, tài khoản của chị N1 nhận được 25.000.000 đồng với nội dung trả tiền đặt cọc điều hòa, C nhờ N1 giữ hộ và chuyển cho C sau.

Đầu giờ chiều ngày 03/9/2021, C nhắn anh C2 đi lấy hàng ở kho hàng của

Công ty H2 tại số nhà C, ngõ D, phố Ô, phường Đ, quận L, thành phố Hà Nội, anh C2 cho lái xe là anh Đỗ Thanh T1 sinh năm 1990, hộ khẩu thường trú tại xóm C, xã P, huyện T, tỉnh Nam Định; tạm trú tại Đ, thôn L, xã N, huyện T, thành phố Hà Nội, đi kiểm tra và lấy hàng, anh N2 cũng đến kho của Công ty TNHH H2 để giám sát việc mua bán hàng. Sau khi kiểm tra hàng hoá thì anh T1 đã bốc, xếp lên ô tô 98 bộ máy điều hòa gồm 50 máy điều hòa Daikin 18.000 BTU mã KA50; 08 máy điều hòa Panasonic 18.000 BTU mã XPU18; 40 máy điều hòa Panasonic 12.000 BTU mã XPU12, (thiếu 02 bộ máy điều hòa Panasonic 18.000 BTU so với thông báo lượng hàng cần nhập), anh C2 thông báo cho C số lượng hàng đã bốc xếp và thống nhất tổng tiền phải trả là 1.078.400.000đ, C gửi tin nhắn số tài khoản ngân hàng C4 của chị N1 cho anh C2 để anh C2 chuyển tiền, anh C2 bảo anh L chuyển tiền để trả tiền hàng.

Khoảng 19h20' ngày 03/9/2021, anh L đã sử dụng tài khoản số 19035978958019 tại ngân hàng T4 (TCB) mang tên Đình Quang L chuyển số tiền 1.078.400.000đ đến tài khoản 39010000825950 của chị N1 để thanh toán tiền mua máy điều hoà. Anh N2 lúc này đang có mặt tại kho hàng biết thông tin người mua hàng đã chuyển tiền nhưng anh N2 chưa nhận được tiền vào tài khoản nên gọi điện cho số 0325728220 thì C nói chưa chuyển được tiền do đang bận, bảo anh N2 chờ. Đến hơn 19h30' cùng ngày C tắt máy và vứt bỏ điện thoại, không chuyển tiền cho anh N2. Do anh N2 không nhận được tiền nên không cho anh T1 chở hàng đi yêu cầu bốc dỡ hàng trở về kho; anh C2 và anh L không liên lạc được với C, xác định đã bị lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên anh C2 đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T trình báo vụ việc.

Sau khi chị N1 thông báo đã nhận được tiền, C nhờ anh N3 và Nguyễn Duy K đưa C đến cửa hàng vàng bạc Hoàng P1 có địa chỉ số F đường C, phường C, quận N, thành phố Hải Phòng do chị Đào Thị Thu T, sinh năm 1969 là chủ cơ sở, C thỏa thuận đổi tiền từ tài khoản ra tiền mặt được chị T đồng ý, chị T cung c số tài khoản 02188012399999 ngân hàng H3 (MSB) của chị Phạm Thị C3 và số 4299207 ở ngân hàng Á A1B) của chị Đào Thị Thu T để C chuyển tiền. C bảo chị N1 chuyển tiền đến các số tài khoản trên, Chị N1 đã chuyển đến tài khoản của chị Phạm Thị C3 số tiền 500.000.000đ; chuyển đến tài khoản của chị T số tiền 550.000.000đ. C được chị T đưa lại số tiền 1.050.000.000đ. Ngày 04/9/2021, C bảo chị N1 chuyển khoản đến tài khoản của anh Nguyễn Duy K, ngân hàng Q (MB), số tài khoản 9699566868888, số tiền 52.000.000đ và C nhờ anh K đưa đi rút toàn bộ tiền này để chi tiêu cá nhân.

Sau khi chiếm đoạt tài sản của anh Vi Văn C2, C xem trên mạng xã hội Facebook thấy anh C2 đăng bài có nội dung tố cáo C lừa đảo chiếm đoạt tài sản đến Cơ quan điều tra, C đã sử dụng số điện thoại 0385543483 liên hệ với anh C2, anh L xin được trả lại tiền cho anh C2, anh L nhờ anh C2 rút đơn tố cáo nhưng anh C2 không đồng ý. Ngày 07/9/2021 C đã chuyển vào tài khoản của anh L số tiền 200.000.000đ, tiếp theo ngày 11/10/2021 trả 49.000.000đ; ngày 12/11/2021 trả 50.000.000đ; ngày 23/11/2021 nhờ chị Thiệu Thị Thanh H, sinh năm 1981, trú tại Tổ A, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên đưa trả cho anh L 500.000.000đ; ngày 07/12/2021 trả 279.400.000đ. Tổng số tiền C đã trả

lại cho anh C2, anh L là 1.078.400.000đ.

Ngày 27/12/2021, Nông Thị C đến Cơ quan điều tra làm việc và khai nhận toàn bộ nội dung, diễn biến hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của mình, nội dung khai nhận phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được.

Tại Bản cáo trạng số 01/CT-VKS-P2 ngày 22/12/2022 của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã truy tố bị cáo Nông Thị C về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Nông Thị C thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng. Qua phân tích tính chất vụ án, hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: điểm a khoản 4 Điều 174 ; điểm b, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt: bị cáo Nông Thị C từ **09 đến 10** năm tù, miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã hoàn trả đầy đủ số tiền đã chiếm đoạt cho các bị hại. Các bị hại không có yêu cầu gì nên không xem xét.

Bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Tại phần tranh luận:

Quan điểm của luật sư Nguyễn Mạnh A bào chữa cho bị cáo: Không nhất trí với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Luật sư cho rằng bị cáo có hành vi dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản, tuy nhiên sau chiếm đoạt tiền của các bị hại từ ngày 03/9/2021 đến 07/12/2021 thì bị cáo đã tự nguyện khắc phục toàn bộ thiệt hại, nhưng đến ngày 31/12/2021 (sau 24 ngày) Cơ quan điều tra mới khởi tố vụ án là vi phạm, hình sự hoá quan hệ dân sự là không đúng quy định của pháp luật. Luật sư cho rằng bị cáo không phạm tội nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Quan điểm của luật sư Vũ Văn C1 bào chữa cho bị cáo: Hoàn toàn nhất trí về tội danh và điều luật áp dụng mà Kiểm sát viên đã nêu trong Bản luận tội. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo: Xuất phát do tác động hậu quả của dịch bệnh Covid 19, bị cáo kinh doanh thua lỗ nên đã dẫn đến việc phạm tội, bị cáo và gia đình đã khắc phục ngay hậu quả; hơn nữa bị cáo đang mang thai và nuôi con nhỏ nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất.

Đại diện Viện kiểm sát đối đáp: Ngay sau khi bị cáo thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của các bị hại, thì các bị hại đã làm đơn tố giác tội phạm gửi Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T. Cơ quan điều tra đã thụ lý và có thông báo về việc tiếp nhận tố giác về tội phạm, Quyết định tạm hoãn xuất cảnh đối với bị cáo. Việc bị cáo đã trả lại toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt trước khi khởi tố vụ án chỉ là tình tiết để xem xét việc khắc phục hậu quả của vụ án.

Luật sư Nguyễn Mạnh A vẫn giữ nguyên quan điểm và cho rằng bị cáo không phạm tội.

Đại diện Viện kiểm sát: Giữ nguyên quan điểm, không đổi đáp gì thêm.

Bị cáo C sau khi nghe Hội đồng xét xử phân tích và giải thích pháp luật, quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát và ý kiến của người bào chữa cho bị cáo. Bị cáo đã nhận thức rõ việc làm của mình là vi phạm pháp luật, thừa nhận hành vi của bị cáo như đã truy tố, xét xử là đúng người, đúng tội, không oan sai. Lời nói sau cùng, bị cáo xin được hưởng mức án thấp nhất và được hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh T, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Người bị hại (anh C2, anh L) có đơn xin xét xử vắng mặt; một số người làm chứng đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên, bị cáo, luật sư bào chữa cho bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng nêu trên. Xét thấy, trong hồ sơ đã có đầy đủ lời khai của các bị hại và những người làm chứng nên sự vắng mặt họ không gây trở ngại cho quá trình xét xử. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292, 293 Bộ luật tố tụng hình sự xét xử vắng mặt họ theo quy định của pháp luật.

[3] Về căn cứ buộc tội: Tại phiên tòa ngày hôm nay, bị cáo Nông Thị C đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay là khách quan, phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của các bị hại và những người làm chứng cùng với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được trong quá trình điều tra, Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở kết luận:

Do kinh doanh không hiệu quả, nợ tiền nhiều người góp vốn kinh doanh cùng, bị thúc ép trả nợ nên Nông Thị C đã nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tiền của người khác. Ngày 01/9/2021, C liên lạc với anh Vi Văn C2 để chào bán lô hàng 100 máy điều hòa giá rẻ, khi anh C2 đồng ý mua C liên lạc với anh Đỗ Chí N2 là Giám đốc Công ty TNHH H2 kinh doanh, phân phối thiết bị điện máy đặt mua của anh N2 100 máy điều hòa chủng loại như C chào bán cho anh C2. Ngày 03/9/2021 khi anh C2 cho lái xe tới bốc hàng từ kho của công ty anh N2 và chuyển số tiền 1.078.400.000đ (*Một tỷ không trăm bảy mươi tám triệu bốn trăm nghìn đồng*) vào tài khoản do C cung cấp để thanh toán tiền hàng. Sau khi nhận được tiền C không trả tiền cho anh N2 mà tắt máy và vứt bỏ điện thoại, rút

số tiền 1.078.400.000đ để trả nợ và chi tiêu cá nhân.

Hành vi nêu trên của bị cáo đã cấu thành tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” với tình tiết định khung tăng nặng “*Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên*” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Nội dung điều luật quy định:

“Điều 174. Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản

1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

....

4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân:

a) Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên;”

[4] Xét tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo:

Bị cáo C là người có kinh nghiệm trong lĩnh vực buôn bán điện máy nên đã lợi dụng những hiểu biết về nghề, cố tình chào bán điều hòa với mức giá thấp hơn nhiều so với giá thị trường nhằm lợi dụng sự tin tưởng cũng như tâm lý ham rẻ của bị hại, đồng thời đưa ra nhiều thông tin gian dối khác để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản với số lượng tiền rất lớn. Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất niềm tin trong quần chúng nhân dân và làm ảnh hưởng tới tình hình trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi của mình là trái pháp luật nhưng vẫn phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, do vậy cần phải đưa ra xử lý nghiêm minh trước pháp luật và có hình phạt tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo, như vậy mới có tác dụng cải tạo giáo dục riêng đối với bị cáo và răn đe giáo dục, phòng ngừa chung.

[5] Tuy nhiên, xem xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo thấy rằng:

Bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Hiện tại bị cáo đang mang thai 30 tuần tuổi, trong suốt quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo và tỏ thái độ ăn năn về hành vi phạm tội của mình nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm n và điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã trả lại toàn bộ số tiền chiếm đoạt cho bị hại nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ “*Người phạm tội tự nguyện khắc phục hậu quả*” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, các bị hại cũng có đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết

giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Trong vụ án này, bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy rằng, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, hiện đang mang thai tuần thứ 30 và đang nuôi con nhỏ nên cần xem xét áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt để thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật, nhưng cũng phải đảm bảo đủ để răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội.

Xét thấy ý kiến của luật sư Vũ Văn C1 bào chữa cho bị cáo và mức án mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị tại phiên toà hôm nay là phù hợp được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét ý kiến của luật sư Nguyễn Mạnh A bào chữa cho bị cáo cho rằng đây là vụ án hình sự hoá quan hệ dân sự và cho rằng bị cáo không phạm tội vì đã khắc phục xong tài sản cho bị hại trước khi khởi tố vụ án hình sự, Hội đồng xét xử thấy rằng: Ngay sau khi bị cáo thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tiền của các bị hại ngày 03/9/2021, thì 22h cùng ngày anh Vi Văn C2 đã có đơn tố giác về tội phạm gửi Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh T. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh T đã thụ lý đơn tố giác và thông báo việc tiếp nhận tố giác về tội phạm số 1351/CSHS ngày 05/9/2021, khi chuẩn bị hết thời hạn thì Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh T đã có Công văn số 537/CSHS ngày 29/10/2021 đề nghị gia hạn thời hạn kiểm tra, xác minh nguồn tin về tội phạm; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã có Quyết định gia hạn thời hạn giải quyết nguồn tin về tội phạm số 32/QĐ-VKS-P2 ngày 03/11/2021 là đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Do vậy, ý kiến của luật sư Nguyễn Mạnh A cho rằng bị cáo không phạm tội là chưa hiểu đúng tinh thần của pháp luật nên không có căn cứ chấp nhận.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là anh Vi Văn C2 và anh Đinh Quang L đã nhận lại đủ số tiền bị chiếm đoạt là 1.078.400.000đ (*Một tỷ không trăm bảy mươi tám triệu bốn trăm nghìn đồng*) và không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về vật chứng: Đối với chiếc điện thoại di động do bị cáo C sử dụng để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của các bị hại, bị cáo đã vứt bỏ, cơ quan điều tra không thu giữ được nên Hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Các nội dung có liên quan khác: Quá trình điều tra, bị cáo C khai báo trong việc kinh doanh nhiều năm trước có vay nợ nhiều cá nhân, Cơ quan điều tra đã điều tra xác minh, các cá nhân đang cho C nợ tiền đều xác định tự nguyện đưa tiền cho C để góp vốn kinh doanh hoặc cho C vay nợ có tính lãi, xác định đây là các giao dịch dân sự, không liên quan đến hành vi lừa đảo chiếm đoạt tiền của anh C2 mà C đã thực hiện nên Cơ quan điều tra không xem xét giải quyết trong vụ án là đúng quy định.

Đối với các cá nhân: Chị Thiệu Thị Thanh H đã đứng ra thỏa thuận về việc trả tiền và chuyển số tiền 500.000.000đ giúp C đến anh L, chị H không quen biết

C, không biết việc C lừa đảo chiếm đoạt tiền của anh C2, anh L; Chị Đào Thị Hồng N1 là người cho bị cáo C mượn số tài khoản ngân hàng để C nhận số tiền chiếm đoạt được và chuyển tiền để bị cáo C rút tiền mặt và chiếm đoạt; việc chị N1 cho bị cáo C mượn tài khoản ngân hàng không vì mục đích vụ lợi, không biết việc bị cáo C sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội; Anh Nguyễn Văn N3 và Nguyễn Duy K là người đưa bị cáo C đi rút tiền sau khi bị cáo Chiếm đoạt được, anh N3 và anh K không biết về hành vi phạm tội của bị cáo, không được hưởng lợi trong số tiền chiếm đoạt được. Chị Đào Thị Thu T và chị Phạm Thị C3 là chủ cơ sở kinh doanh vàng bạc, là người đã đổi tiền mặt cho bị cáo C, chị T và chị C3 không biết việc bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, không biết số tiền được chuyển đến và đổi ra tiền mặt là tiền do phạm tội mà có. Xét thấy hành vi của chị H, anh N3, anh K, chị N1, chị T, chị C3 không có yếu tố đồng phạm, không có hành vi che giấu tội phạm, không tố giác tội phạm do vậy Cơ quan điều tra không xem xét xử lý là đúng quy định.

Đối với anh Nguyễn Thanh D1 là người đứng tên đăng ký số điện thoại 0325728220 xác định: Chưa từng sử dụng số thuê bao di động này, không biết số thuê bao này là của ai và cũng không cho ai mượn thông tin, giấy tờ để đăng ký thuê bao di động Viettel; đối với chị Lô Thị G là người đứng tên đăng ký số điện thoại 0385543483 xác định: Trước đây chị có sử dụng số thuê bao di động này, đến tháng 1/2021 chị bị mất điện thoại khi đang đi làm tại Bắc Ninh. Sau khi bị mất điện thoại và sim thì chị không đi làm lại mà sử dụng 01 sim khác. Anh D1, chị G xác định không quen biết đối với Nguyễn Văn N3, Nguyễn Duy K và Nông Thị C. Do vậy, Cơ quan điều tra không có căn cứ để xem xét đối với D1 và G là phù hợp.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 326 Bộ luật tố tụng hình sự.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nông Thị C phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

2. Về điều luật áp dụng và hình phạt:

2.1. Hình phạt chính: Áp dụng: điểm a khoản 4 Điều 174, điểm b, n, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt: bị cáo Nông Thị C **9** (chín) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành bản án.

2.2 Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự.

Ghi nhận bị cáo Nông Thị C đã bồi thường xong cho các bị hại là anh Vi Văn C2 và anh Đinh Quang L số tiền là 1.078.400.000đ (*Một tỷ không trăm bảy mươi tám triệu bốn trăm nghìn đồng*). Anh C2, anh L không có yêu cầu bồi thường gì thêm.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số

326/2016/NQ - UBTVQH14 về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nông Thị C phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại (anh C2, anh L) đều vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- Công an tỉnh Thái Nguyên;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Thái

Nguyên;

- Cục THADS tỉnh Thái Nguyên;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ, VT.

**TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mạnh Toàn